

Số: 06 /2019/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 628/SGTVT-TTr ngày 17/4/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Giao thông vận tải (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP; các P.CVP;
- TT Công báo; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CN.XDCB, NN-TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Nhung

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác
và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Việc quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường giao thông nông thôn (sau đây gọi chung là đường GTNT)* bao gồm: đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

2. *Đất của đường bộ* là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

3. *Hành lang an toàn đường bộ* là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

4. *Bảo trì công trình đường bộ* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình đường bộ.

5. *Quy trình bảo trì công trình đường bộ* là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

6. *Cơ quan quản lý đường bộ* là Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi chung là Sở GTVT); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).

7. *Chủ quản lý sử dụng đường GTNT* là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, bảo trì, khai thác và sử dụng đường GTNT do nhà nước đầu tư; Chủ đầu tư đối với đường GTNT không do Nhà nước góp vốn đầu tư; cộng đồng dân cư đối với đường GTNT do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì và khai thác và bảo trì.

8. *Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác đường GTNT* (sau đây gọi chung là Đơn vị quản lý đường GTNT) là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, bảo dưỡng thường xuyên đường GTNT.

Điều 4. Nguyên tắc phân công, phân cấp

Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan, UBND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường GTNT

1. Xác định Chủ quản lý sử dụng đường GTNT:

a) Đối với đường GTNT do Nhà nước đầu tư:

UBND cấp huyện làm Chủ quản lý sử dụng đối với đường GTNT do Nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư thuộc hệ thống đường do UBND cấp huyện quản lý.

UBND cấp xã làm Chủ quản lý sử dụng đối với đường GTNT do Nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư thuộc hệ thống đường do UBND cấp xã quản lý trừ các công trình do UBND cấp huyện quản lý.

b) Đối với đường GTNT do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư là Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

Trường hợp cộng đồng dân cư, cá nhân sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng đường GTNT nhưng không đủ khả năng làm Chủ quản lý sử dụng đường GTNT thì cơ quan được phân công, phân cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

c) Trường hợp đường GTNT được xây dựng bằng nhiều nguồn vốn thì các bên góp vốn thống nhất lựa chọn Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

2. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên (nếu có) về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng với Đơn vị quản lý đường GTNT để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT. Trong trường hợp này, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT vẫn phải chịu trách nhiệm về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

4. Đơn vị quản lý đường GTNT chịu trách nhiệm theo ủy quyền, văn bản giao nhiệm vụ, hợp đồng ký kết với Chủ quản lý sử dụng đường GTNT và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT đúng với nội dung được giao và Quy định này.

Điều 6. Biển báo hiệu đường bộ trên đường GTNT

Đường GTNT khi xây dựng và trong quá trình khai thác phải được cấm các loại biển báo hiệu đường bộ và hệ thống an toàn giao thông theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2016/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” (sau đây viết tắt là QCVN 41:2016/BGTVT), lắp đặt bảng hướng dẫn và các biện pháp bảo đảm an toàn khác, bao gồm:

1. Đối với phần đường bộ cấm các loại biển sau:

a) Biển “Hạn chế tải trọng toàn bộ xe cho phép” (Biển số P.115); Trường hợp có quy định hạn chế trọng lượng trên trục xe thì cấm biển “Hạn chế tải trọng trục xe (trục đơn)” (Biển số 116);

b) Biển báo quy định “Tốc độ tối đa cho phép” (Biển số P.127);

c) Trường hợp có quy định cấm đối với loại xe nào thì cấm biển cấm đối với loại xe đó (Ví dụ đoạn đường cần cấm tất cả các loại ô tô tải từ 2,5 T trở lên thì cấm biển “Cấm ô tô tải” (Biển số P.106b);

d) Trường hợp đường GTNT giao nhau với đường sắt có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt có rào chắn” (Biển số W.210), trường hợp không có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn” (Biển số W.211a);

đ) Tại vị trí đường GTNT giao nhau với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện phải cấm biển “Giao nhau với đường ưu tiên” (Biển số W.208);

e) Đường GTNT bắt đầu đi vào khu đông dân cư phải cấm biển “Bắt đầu khu đông dân cư” (Biển số R.420), ra khỏi khu đông dân cư phải cấm biển “Hết khu đông dân cư” (Biển số R.421);

g) Đường GTNT đi qua các khu vực sát sông, hồ hoặc vực sâu phải cấm biển “Kè, vực sâu phía trước” (Biển số W.215), xây dựng tường hộ lan bảo vệ theo Quy chuẩn QCVN 41:2016/BGTVT.

h) Các biển báo hiệu đường bộ khác phù hợp với tổ chức giao thông, điều kiện khai thác và tình trạng tuyến đường.

2. Đối với các đường trục thôn, đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương, đường trục chính nội đồng có tiêu chuẩn kỹ thuật thấp hơn đường cấp VI và vận tốc khai thác nhỏ hơn 15km/giờ thì kích thước biển báo, kích thước chữ viết, đường viền xung quanh biển báo và hình vẽ trên biển báo bằng 0,7 lần

kích thước quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2016/BGTVT. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2016/BGTVT.

3. Đối với các khu vực có các điểm tham quan, du lịch, ngoài việc cấm biển báo hiệu đường bộ theo quy định hiện hành và bảng hướng dẫn bằng tiếng Việt, có thể bổ sung hướng dẫn bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác tại các điểm tham quan, du lịch.

Điều 7. Tổ chức giao thông trên đường GTNT

1. Nội dung tổ chức giao thông được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Giao thông đường bộ và các quy định sau:

- a) Phân làn, phân luồng, phân tuyến cho người, phương tiện tham gia giao thông và quy định thời gian đi lại (nếu cần) cho phù hợp với điều kiện thực tế;
- b) Quy định các đoạn đường đi một chiều, nơi cấm dừng, cấm đỗ, cấm quay đầu xe, đường cấm (nếu cần);
- c) Lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định tại Điều 6 Quy định này;
- d) Thông báo công khai, kịp thời khi có sự thay đổi về phân luồng, phân tuyến, thời gian đi lại tạm thời hoặc lâu dài; thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

2. Trách nhiệm tổ chức giao thông trên hệ thống đường GTNT:

- a) UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý.
- b) UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên các hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT có trách nhiệm:

- a) Tổ chức, hướng dẫn người tham gia giao thông thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều này và chấp hành quy định về tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 2 Điều này quy định;
- b) Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân hiểu và chấp hành đúng các quy định khi tham gia giao thông và quy định về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

Điều 8. Tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT

1. Công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT do Chủ quản lý sử dụng đường GTNT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức sau:

- a) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường;
- b) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao nhiệm vụ, ký hợp đồng để Đơn vị quản lý đường GTNT thực hiện một phần hoặc toàn bộ công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường; giám sát, kiểm tra Đơn vị quản lý đường GTNT thực hiện tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT.

2. Nội dung tuần tra, theo dõi và xử lý khi tuần tra tình trạng đường GTNT bao gồm:

a) Tuần tra, theo dõi, phát hiện tình trạng bất thường, sự cố công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông, tai nạn, ùn tắc giao thông (nếu có);

b) Thống kê số lượng, vị trí, tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình đường bộ, hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường bộ; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình.

Trường hợp đủ điều kiện sửa chữa, thì nhân viên tuần tra phải tiến hành sửa chữa ngay các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trường hợp chưa đủ điều kiện sửa chữa, thì nhân viên tuần tra phải kịp thời báo cáo Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để xử lý.

c) Phát hiện các hành vi vi phạm, báo cáo Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để xử lý theo quy định.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo UBND cấp xã hoặc UBND cấp huyện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Trường hợp khi tuần tra phát hiện mất an toàn giao thông thì thực hiện các công việc sau:

a) Triển khai ngay các biện pháp đảm bảo giao thông tạm thời, hạn chế tải trọng và tốc độ;

b) Tạm dừng giao thông khi thấy nguy hiểm và báo cáo ngay cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để quyết định phân luồng giao thông;

c) Các công việc cần thiết khác.

4. Ghi nhật ký khi tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT. Nội dung nhật ký bao gồm:

a) Thời gian tuần tra;

b) Người thực hiện;

c) Các hư hỏng được phát hiện; các hư hỏng đã được sửa chữa khi tuần tra, các hư hỏng chưa đủ điều kiện sửa chữa khi tuần tra và kiến nghị chuyển sang bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất và các xử lý cần thiết khác;

d) Các vi phạm đã được khắc phục, các vi phạm chưa được khắc phục, kiến nghị xử lý;

đ) Nhận xét về khả năng đảm bảo giao thông; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tồn tại. Người tuần tra, theo dõi đường GTNT sau khi ghi nhật ký phải ký và ghi rõ họ tên.

5. Số lần tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT căn cứ vào từng loại đường, công trình trên đường GTNT, khả năng của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, nhưng không được ít hơn 01 lần/tuần.

6. Công việc tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT được thực hiện độc lập, hoặc kết hợp với công tác bảo dưỡng thường xuyên đường GTNT.

Điều 9. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT

1. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá thực trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình trên đường GTNT.

2. Kiểm tra kỹ thuật:

a) Kiểm tra nền đường tại các vị trí có khả năng lún, sụt lở ta luy, các vị trí có nguy cơ ngập nước; kiểm tra sự ổn định và đánh giá các hư hỏng (nếu có) của các công trình kè, tường chắn;

b) Kiểm tra sự làm việc của mặt đường thông qua đánh giá độ bằng phẳng, dốc ngang, các hiện tượng trơn trượt; đánh giá các hư hỏng trên mặt đường, lề đường;

c) Kiểm tra khả năng thoát nước và tình trạng làm việc của hệ thống thoát nước (cống, rãnh dọc, hố thu, hố thăm, rãnh xương cá ở lề đường và các hạng mục khác); đánh giá các hư hỏng khác (nếu có);

d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hệ thống biển báo hiệu đường bộ và các công trình an toàn giao thông.

3. Trách nhiệm thực hiện kiểm tra kỹ thuật:

a) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tự thực hiện kiểm tra kỹ thuật. Trường hợp không đủ năng lực và điều kiện, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao Đơn vị quản lý đường GTNT hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực thực hiện.

b) Khi phát hiện các công trình trên đường GTNT hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn giao thông trên địa bàn, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã phải phối hợp với Chủ quản lý sử dụng đường GTNT kiểm tra xác định khả năng khai thác. Trường hợp mất an toàn phải tạm dừng khai thác ngay để khắc phục và tổ chức phân luồng giao thông.

4. Kết thúc kiểm tra kỹ thuật, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phải lập báo cáo kiểm tra với các nội dung sau:

a) Tên đường, các công trình trên đường GTNT được kiểm tra;

b) Ngày tháng năm tiến hành kiểm tra;

c) Tên tổ chức, cá nhân, chuyên gia, tư vấn thực hiện kiểm tra;

d) Kết quả kiểm tra các công trình;

đ) Nhận xét, đánh giá về thực trạng khai thác của đường GTNT, các công trình trên đường tại thời điểm kiểm tra; so sánh với các lần kiểm tra trước;

e) Kiến nghị các công việc sửa chữa, khắc phục hoặc kiến nghị khác (nếu có).

Điều 10. Sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh không đủ điều kiện thực hiện ở bước tuần tra theo dõi và kiểm tra kỹ thuật

1. Các khiếm khuyết, hư hỏng của công trình trên đường GTNT được phát hiện, nhưng không đủ điều kiện sửa chữa ngay khi tuần tra, theo dõi và kiểm tra kỹ thuật, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải tổ chức lập kế hoạch sửa chữa công trình.

2. Chủ quản lý sử dụng đường giao thông nông thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất hoặc kiểm định chất lượng (nếu cần thiết) theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015

của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Xử lý đối với đường GTNT đang khai thác có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác; xử lý sự cố công trình

1. Khi phát hiện hoặc nhận được thông báo công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải thực hiện ngay các quy định sau:

a) Kiểm tra công trình, nếu cần thiết thì phải kiểm định chất lượng công trình;
b) Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình trên đường GTNT;

c) Báo cáo ngay với UBND cấp xã nơi có sự cố công trình và cơ quan cấp trên của mình (nếu có);

d) Trong vòng 24 giờ phải báo cáo bằng văn bản cho UBND cấp huyện và UBND cấp tỉnh. Đối với công trình cấp II trở lên hoặc công trình khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa thì phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng theo quy định;

Cấp công trình quy định tại điểm này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

đ) Sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn khi vận hành khai thác đường GTNT thực hiện theo Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Thực hiện các biện pháp phòng hộ để bảo đảm an toàn, hạn chế nguy cơ sập đổ công trình trên đường GTNT gây sự cố nghiêm trọng.

Trong trường hợp Chủ quản lý sử dụng đường GTNT không đủ năng lực và khả năng chuyên môn để thực hiện các biện pháp phòng hộ, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước và UBND các cấp hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng hộ cho công trình.

2. Khi nhận được báo cáo hoặc khi phát hiện công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác sử dụng, Cơ quan quản lý nhà nước nhận được báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, thông báo, yêu cầu và hướng dẫn Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tổ chức khảo sát, kiểm định chất lượng, đánh giá mức độ nguy hiểm, thực hiện sửa chữa hoặc phá dỡ bộ phận công trình, công trình nếu cần thiết;

b) Quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này nếu Chủ quản lý sử dụng đường GTNT không có khả năng thực hiện;

c) Xử lý trách nhiệm Chủ quản lý sử dụng đường GTNT khi không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm thông báo cho Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT, cơ quan quản lý nhà nước,

chính quyền các cấp khi phát hiện sự cố hay xuống cấp về chất lượng của công trình trên đường GTNT, không bảo đảm an toàn để kịp thời xử lý theo các quy định tại Quy định này.

4. Việc xử lý khi có sự cố công trình hoặc nguy cơ sự cố sập đổ công trình thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở GTVT

1. Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Chủ quản lý sử dụng theo thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

2. Trả lời bằng văn bản đối với Quy trình quản lý, vận hành khai thác khi Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng đề nghị góp ý kiến.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện và các sở, ngành liên quan để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

4. Hàng năm, thống kê, tổng hợp theo phân loại và chiều dài đường GTNT trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giao thông vận tải; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác toàn bộ hệ thống đường GTNT trên địa bàn, danh sách các công trình bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo UBND tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc cân đối kế hoạch ngân sách, thanh quyết toán nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác đường GTNT trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

2. Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để xử lý các công trình đường GTNT bị hư hỏng xuống cấp, bảo đảm cho việc quản lý, vận hành khai thác an toàn.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở GTVT và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong công tác quản lý quy hoạch các dự án thuộc thẩm quyền quản lý liên quan đến hệ thống đường giao thông nông thôn.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở GTVT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã xác định phạm vi, ranh giới đất hành lang an toàn giao thông; phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện các thủ tục về thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất dọc hành lang an toàn giao thông nông thôn.

Điều 16. Trách nhiệm UBND cấp huyện

1. Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đối với các tuyến đường GTNT thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo phân công, phân cấp.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã, Cộng đồng dân cư và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện các trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo quy định này.

4. Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, danh sách các công trình trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn gửi Sở GTVT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Phối hợp với Sở GTVT và các sở, ban, ngành liên quan để kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT trên địa bàn. Quản lý sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

6. Hàng năm xây dựng kế hoạch vốn và cân đối ngân sách cho quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo phân công, phân cấp.

Điều 17. Trách nhiệm UBND cấp xã

1. Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đối với các tuyến đường GTNT thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật..

2. Phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo phân công, phân cấp, đúng quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Cộng đồng dân cư trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư.

4. Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, danh sách các công trình trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo UBND cấp huyện.

5. Phối hợp với UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành liên quan để tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

6. Hàng năm xây dựng kế hoạch vốn và cân đối ngân sách cho quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo phân công, phân cấp.

Điều 18. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư sở hữu đường GTNT

1. Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác đường GTNT do cộng đồng làm chủ quản lý sử dụng.

2. Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của UBND các cấp và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các cấp về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình; báo cáo khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT cho UBND cấp xã.

3. Phát hiện, ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình đường giao thông nông thôn, xâm phạm hành lang an toàn đường GTNT và các hành vi vi phạm khác.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan Nhà nước cấp trên (nếu có) về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo quy định của pháp luật.

2. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng với Đơn vị quản lý để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn. Trong trường hợp này, Chủ quản lý sử dụng đường giao thông nông thôn vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi sự cố hay xuống cấp của công trình trong thời gian vận hành khai thác.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị quản lý

Đơn vị quản lý đường GTNT chịu trách nhiệm theo ủy quyền, văn bản giao nhiệm vụ, hợp đồng ký kết với Chủ quản lý sử dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT đúng với nội dung được giao và Quy định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở GTVT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường